

BẢNG ĐIỂM KỲ THI
CHỨNG CHỈ TIN HỌC ỨNG DỤNG CNTT NÂNG CAO

Ngày Thi: 13/9/2026

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm TN	Điểm thực hành				Kết quả	Ghi chú
							PPT NC	Word NC	Excel NC	TB		
1	BKNC12060	Ngô Đào Minh	Anh	11/06/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	8,67	7,5	6,5	9,0	7,67	Đạt	
2	BKNC12061	Bùi Thị Cẩm	Dung	07/08/2006	Đồng Tháp	8,67	6,0	5,0	7,0	6,0	Đạt	
3	BKNC12062	Lê Thị Phương	Dung	11/01/2005	Vĩnh Long	8,67	9,5	8,0	9,0	8,83	Đạt	
4	BKNC12063	Lê Kim	Duyên	23/02/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	8,0	7,0	8,5	1,0	5,5	Không đạt	
5	BKNC12064	Trần Phan Mỹ	Duyên	26/06/2006	Gia Lai	8,67	9,0	9,0	7,0	8,33	Đạt	
6	BKNC12065	Phạm Quỳnh	Hương	17/01/2004	Đồng Nai	9,33	9,5	8,5	7,0	8,33	Đạt	
7	BKNC12066	Đặng Thị Thanh	Loan	07/11/2006	Đắk Lắk	8,0	6,0	9,0	9,0	8,0	Đạt	
8	BKNC12067	Nguyễn Thị Kiều	Loan	07/11/2005	Lâm Đồng	8,33	9,0	9,0	8,0	8,67	Đạt	
9	BKNC12068	Nguyễn Trung	Lương	25/10/2006	Đắk Lắk	7,0	6,0	8,0	6,0	6,67	Đạt	
10	BKNC12069	Nguyễn Thị Xuân	Mai	10/02/2005	Thành phố Đồng Nai	7,67	7,0	6,0	8,0	7,0	Đạt	
11	BKNC12070	Nguyễn Trần Xuân	Mai	27/01/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	7,33	7,5	7,0	7,0	7,17	Đạt	
12	BKNC12071	Hồ Ngọc Kim	Ngân	23/11/2005	Khánh Hòa	7,33	9,0	8,5	6,5	8,0	Đạt	
13	BKNC12072	Võ Phương	Ngọc	28/05/2004	An Giang	6,33	6,0	8,0	7,5	7,17	Đạt	
14	BKNC12073	Trần Thị Ngọc	Nhi	17/09/2002	Lâm Đồng	6,33	5,0	7,0	7,0	6,33	Đạt	
15	BKNC12074	Lê Thị Huỳnh	Như	14/01/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	8,0	8,5	8,5	9,0	8,67	Đạt	
16	BKNC12075	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	02/09/2006	Thành phố Đồng Nai	9,0	9,5	8,5	9,5	9,17	Đạt	
17	BKNC12076	Phan Thị Mỹ	Quyên	15/08/2006	Khánh Hòa	8,33	8,5	8,5	9,0	8,67	Đạt	
18	BKNC12077	Đỗ Thị Tú	Sương	21/04/2005	Vĩnh Long	10,0	9,5	9,0	9,0	9,17	Đạt	
19	BKNC12078	Đoàn Thị Cẩm	Thư	11/05/2005	Quảng Ngãi	9,67	9,0	9,0	9,0	9,0	Đạt	
20	BKNC12079	Nguyễn Lê Minh	Thư	05/11/2005	Gia Lai	6,33	8,0	10,0	9,5	9,17	Đạt	
21	BKNC12080	Nguyễn Trần Anh	Thư	11/12/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	9,33	9,5	9,0	9,0	9,17	Đạt	
22	BKNC12081	Huỳnh Nguyễn Xuân	Thuy	31/03/2005	Thành phố Đà Nẵng	9,25	9,0	9,5	9,5	9,33	Đạt	
23	BKNC12082	Trương Thị	Thùy	09/06/1990	Thành phố Đồng Nai	7,33	7,0	9,5	9,5	8,67	Đạt	
24	BKNC12083	Hoàng Văn	Tĩnh	29/09/1999	Hà Tĩnh	6,67	9,0	8,0	9,5	8,83	Đạt	
25	BKNC12084	Nguyễn Thị Phương	Trang	16/08/2006	Khánh Hòa	7,5	7,5	4,0	1,0	4,17	Không đạt	
26	BKNC12085	Lê Thị Diễm	Trúc	23/06/2005	Vĩnh Long	8,33	7,0	6,0	7,0	6,67	Đạt	
27	BKNC12086	Nguyễn Thanh	Trúc	18/04/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	8,33	9,0	8,0	9,0	8,67	Đạt	
28	BKNC12087	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	02/12/2005	Vĩnh Long	9,0	8,5	7,5	9,0	8,33	Đạt	
29	BKNC12088	Cao Bá Cẩm	Tú	01/03/2005	Gia Lai	6,67	9,0	9,0	8,0	8,67	Đạt	
30	BKNC12089	Nguyễn Phương	Uyên	12/08/2006	Đắk Lắk	9,67	9,0	6,5	9,0	8,17	Đạt	
31	BKNC12090	Nguyễn Trần Tuyết	Vy	25/04/2007	Thành phố Hồ Chí Minh	8,0	6,0	5,5	9,0	6,83	Đạt	
32	BKNC12091	Châu Như	Ý	25/08/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	9,33	9,5	9,5	9,5	9,5	Đạt	
33	BKNC12092	Nguyễn Thị Kim	Ý	16/09/2005	Quảng Ngãi	9,0	9,0	9,5	9,5	9,33	Đạt	
34	BKNC12093	Hà Hải	Yến	23/10/2005	Lâm Đồng	9,67	9,0	9,0	9,5	9,17	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm TN	Điểm thực hành				Kết quả	Ghi chú
							PPT NC	Word NC	Excel NC	TB		

Ghi chú: *Kết quả Đạt: Điểm trắc nghiệm (Điểm TN) ≥ 5 và Điểm thực hành 3 mô đun ≥ 5*

Số lượng thí sinh:

34

Số lượng hiện diện:

34

Số thí sinh đạt:

32

Thư ký Hội đồng

Chủ tịch Hội đồng

Ngô Quang Nhựt

Thoại Nam